HIỆP ĐỊNH GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA THỔ NHĨ KỲ

VỀ

KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ LẪN NHAU

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ, sau đây gọi là "các Bên ký kết",

Mong muốn tăng cường hợp tác kinh tế giữa hai Bên ký kết, cụ thể là đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia;

Thừa nhận rằng việc dành sự đối xử theo hiệp định này cho đầu tư sẽ khuyến khích dòng vốn, công nghệ và phát triển kinh tế giữa hai Bên ký kết;

Thừa nhận rằng khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau sẽ có lợi cho việc thúc đẩy sáng kiến kinh doanh và tăng cường thịnh vượng ở cả hai Bên ký kết; và

Tin rằng các mục đích trên có thể đạt được mà không cần nới lỏng các biện pháp về sức khỏe, an toàn và môi trường được áp dụng chung,

Hai bên đã đi tới ký kết hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau,

Đã thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1

CÁC ĐỊNH NGHĨA

Với mục đích của hiệp định này:

1. Thuật ngữ "đầu tư" nghĩa là mọi loại tài sản do nhà đầu tư của một Bên ký kết đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia đầu tư liên quan tới hoạt động kinh doanh, nhằm thiết lập mối quan hệ kinh tế lâu dài trên lãnh thổ của Bên ký kết kia phù hợp với pháp luật của nước đó, cụ thể nhưng không chỉ bao gồm:

a) Động sản và bất động sản cũng như các quyền tài sản khác như thế chấp, cầm cố và các quyền tương tự khác phù hợp với pháp luật của Bên ký kết nơi có tài sản,

b) Lợi nhuận tái đầu tư, quyền đòi tiền và các quyền khác có giá trị kinh tế liên quan tới việc đầu tư,

c) Cổ phần, cổ phiếu hay bất cứ hình thức tham gia vào công ty nào khác,

d) Quyền sở hữu công nghiệp và quyền sở hữu trí tuệ như sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, quy trình kỹ thuật cũng như nhãn hiệu hàng hóa, uy tín thương mại, bí quyết kinh doanh, và các quyền tương tự,

e) Nhượng quyền kinh doanh theo luật hoặc theo hợp đồng, bao gồm nhượng quyền liên quan tới tài nguyên thiên nhiên,

với điều kiện khoản đầu tư đó không có bản chất là mua lại dưới 10 phần trăm cổ phiếu hoặc quyền bỏ phiếu của công ty trên thị trường chứng khoán mà những khoản đầu tư có bản chất đó sẽ không được điều chỉnh bởi Hiệp định này.

Bất cứ thay đổi nào về hình thức khi tài sản hay quyền tài sản được đầu tư hoặc tái đầu tư sẽ không ảnh hưởng đến đặc tính của đầu tư với điều kiện sự thay đổi đó phù hợp với pháp luật của Bên ký kết nơi tiếp nhận đầu tư.

2. Thuật ngữ "nhà đầu tư" nghĩa là:

a) Thể nhân là công dân của một Bên ký kết theo pháp luật của Bên ký kết đó;

b) Công ty, hãng, công ty hợp danh được thành lập và hoạt động theo pháp luật hiện hành của một Bên ký kết và có trụ sở đăng ký và các hoạt động kinh doanh chủ yếu trên lãnh thổ một Bên ký kết,

mà đã tiến hành đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

3. Thuật ngữ "thu nhập" có nghĩa là số tiền thu được từ đầu tư, cụ thể nhưng không chỉ bao gồm lợi nhuận, lãi tiền vay, thu nhập từ vốn, tiền bản quyền, phí và cổ tức.

4. Thuật ngữ "lãnh thổ" nghĩa là:

a) Đối với nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là lãnh thổ đất liền, đảo, nội thuỷ, lãnh hải và vùng trời phía trên đó cũng như các vùng biển ngoài lãnh hải bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà Việt Nam có quyền tài phán hoặc quyền chủ quyền hoặc chủ quyền trong việc thăm dò, khai thác hoặc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phù hợp với luật pháp trong nước và luật pháp quốc tế.

b) Đối với nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ, là lãnh thổ đất liền, nội thuỷ, lãnh hải và vùng trời phía trên đó cũng như các vùng biển mà Thổ Nhĩ Kỳ có quyền chủ quyền và quyền tài phán trong việc thăm dò, khai thác và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên sinh vật hoặc phi sinh vật phù hợp với luật pháp quốc tế.

5. Thuật ngữ "đồng tiền chuyển đổi tự do" có nghĩa là đồng tiền được sử dụng rộng rãi trong thanh toán quốc tế và được trao đổi rộng rãi trong các thị trường hối đoái chính.

ĐIỀU 2

KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

1. Theo quy định của pháp luật của nước mình, mỗi Bên ký kết sẽ, trong khả năng có thể khuyến khích các nhà đầu tư của Bên ký kết kia đầu tư trên lãnh thổ của nước mình.

2. Đầu tư của nhà đầu tư mỗi Bên ký kết phải được đối xử công bằng và bình đẳng và được bảo hộ đầy đủ trong lãnh thổ của Bên ký kết kia. Các Bên ký kết không được sử dụng các biện pháp bất hợp lý hoặc phân biệt đối xử để gây phương hại đến việc quản lý, duy trì, sử dụng, thụ hưởng, mở rộng hoặc định đoạt các khoản đầu tư đó.

ĐIỀU 3

ĐỐI XỬ VỚI ĐẦU TƯ

1. Theo quy định của pháp luật của nước mình, mỗi Bên ký kết sẽ tiếp nhận các khoản đầu tư trên lãnh thổ nước mình trên cơ sở không kém thuận lợi hơn so với đầu tư của nhà đầu tư của bất cứ nước thứ ba nào trong những điều kiện tương tự.

2. Theo quy định của pháp luật nước mình, mỗi Bên ký kết sẽ dành cho đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia, một khi đã thành lập, sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho nhà đầu tư nước mình trong những điều kiện tương tự.

3. Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia, một khi đã thành lập, sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho đầu tư của nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào trong những điều kiện tương tự.

4. Các Bên ký kết trong khuôn khổ của pháp luật quốc gia mình sẽ cân nhắc một cách tích cực hồ sơ đề nghị cho phép nhập cảnh và tạm trú của cá nhân của một Bên ký kết vào lãnh thổ của Bên ký kết kia để tiến hành đầu tư; điều tương tự sẽ được áp dụng cho công dân của một Bên ký kết muốn nhập cảnh vào lãnh thổ của Bên ký kết kia và cư trú tại đó để làm việc liên quan tới hoạt động đầu tư. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động sẽ được cân nhắc tích cực.

5. a) Các quy định tại Điều này sẽ không được hiểu là bắt buộc một Bên ký kết phải dành cho các nhà đầu tư của Bên ký kết kia lợi ích của bất kì sự đối xử, ưu đãi hoặc đặc quyền nào mà Bên ký kết ban đầu có thể dành cho theo bất kỳ hiệp định hoặc thỏa thuận quốc tế nào liên quan toàn bộ hoặc phần lớn tới thuế.

b) Các quy định về không phân biệt đối xử, đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc của Hiệp định này sẽ không được áp dụng cho ưu đãi hiện tại hoặc tương lai mà một Bên ký kết, vì tư cách thành viên của mình trong liên minh thuế quan, liên minh kinh tế và liên minh tiền tệ, thị trường chung hoặc khu vực thương mại tự do, dành cho công dân hoặc công ty của mình, của một quốc gia thành viên của liên minh, thị trường chung hoặc khu thương mại tự do trên hay bất cứ nước thứ ba nào khác.

c) Để rõ ràng hơn, các nghĩa vụ tại điều này không bao gồm yêu cầu một Bên ký kết dành cho các nhà đầu tư của Bên ký kết kia thủ tục giải quyết tranh chấp ngoài các thủ tục được quy định trong Hiệp định này.

d) Các quy định tại Điều 2 và 3 của Hiệp định này không được hiểu là bắt buộc một Bên ký kết dành cho đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia sự đối xử mà nước đó dành cho đầu tư của nhà đầu tư nước mình trong lĩnh vực mua bán đất đai và bất động sản, và quyền liên quan tới bất động sản.

ĐIỀU 4

QUYỀN QUY ĐỊNH

1. Hiệp định này không được hiểu là ngăn cản một Bên ký kết ban hành, duy trì, và thi hành bất cứ biện pháp không phân biệt đối xử nào:

a) tạo ra và áp dụng để bảo vệ cuộc sống con người, động vật hoặc thực vật hoặc sức khỏe hoặc môi trường;

b) liên quan tới việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên không tái tạo được, bất kể là sinh vật hay phi sinh vật;

c) áp dụng nhằm mục đích bảo vệ bảo vật quốc gia có giá trị nghệ thuật, lịch sử, khảo cổ.

2. Hiệp định này không được hiểu là:

a) bắt buộc một Bên ký kết cung cấp hoặc cho phép tiếp cận bất cứ thông tin nào mà Bên ký kết đó cho rằng việc tiết lộ thông tin đó sẽ đi ngược lại lợi ích an ninh thiết yếu của Bên đó;

b) ngăn cản một Bên ký kết thực hiện bất cứ hành động nào mà Bên đó cho là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu của mình

i) liên quan tới buôn lậu vũ khí, đạn dược và công cụ chiến tranh và liên quan đến buôn lậu và các giao dịch về hàng hóa, vật liệu, dịch vụ và công nghệ khác được tiến hành trực tiếp hoặc gián tiếp với mục đích cung cấp cho quân đội hoặc các cơ sở an ninh khác,

ii) tiến hành trong thời gian chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp trong quan hệ quốc tế,

iii) nhằm mục đích bảo vệ cơ sở hạ tầng thiết yếu công cộng, bao gồm cơ sở hạ tầng về thông tin liên lạc, điện và nước, khỏi các hành vi cố ý nhằm phá hủy các công trình này;

hoặc

iv) liên quan đến việc thực hiện chính sách quốc gia hoặc các hiệp định quốc tế về không phổ biến vũ khí hạt nhân hoặc các thiết bị nổ hạt nhân khác;

c) ngăn cản một Bên ký kết thực hiện các nghĩa vụ theo Hiến chương Liên hợp quốc về gìn giữ hoà bình và an ninh quốc tế.

ĐIỀU 5

TƯỚC QUYỀN SỞ HỮU VÀ BỒI THƯỜNG

1. Đầu tư sẽ không bị tước quyền sở hữu, quốc hữu hóa, hoặc bị áp dụng, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, các biện pháp có tác động tương tự (dưới đây gọi là tước quyền sở hữu) trừ trường hợp vì mục đích công cộng theo các biện pháp không phân biệt đối xử, và phải bồi thường nhanh chóng, thoả đáng và có hiệu quả được theo đúng thủ tục pháp luật và các nguyên tắc đối xử quy định tại Điều 3 Hiệp định này.

2. Các biện pháp không phân biện đối xử được thiết kế và áp dụng để bảo vệ lợi ích hợp pháp của cộng đồng như sức khỏe, an toàn và môi trường, không bị coi là tước quyền sở hữu gián tiếp.

3. Khoản bồi thường sẽ tương đương với giá thị trường của đầu tư bị tước quyền sở hữu tại thời điểm tước quyền sở hữu hoặc tại thời điểm thông báo việc tước quyền sở hữu. Khoản bồi thường sẽ được thanh toán nhanh chóng và được trả bằng đồng tiền tự do chuyển đổi theo quy định tại Điều 7 Hiệp định này.

4. Trong trường hợp bồi thường bị trì hoãn thanh toán, tiền bồi thường sẽ bao gồm tiền lãi tính từ ngày tước quyền sở hữu đến ngày thanh toán theo lãi suất do hai bên thỏa thuận trừ trường hợp lãi suất được pháp luật nước đó quy định.

5. Mặc dù có quy định tại các khoản 1, 2 và 3 nói trên, bất kỳ biện pháp tước quyền sở hữu nào liên quan đến đất đai sẽ thực hiện theo pháp luật của Bên ký kết tước quyền sở hữu liên quan đến điều kiện và khoản tiền bồi thường cho việc tước quyền sở hữu.

ĐIỀU 6

BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

Trong trường hợp đầu tư của nhà đầu tư một Bên ký kết bị thiệt hại do chiến tranh, bạo loạn, nổi loạn, hoặc tình trạng tương tự khác trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, nhà đầu tư đó sẽ được Bên ký kết kia dành cho sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà bên đó dành cho nhà đầu tư nước mình

hoặc dành cho nhà đầu tư của bất cứ nước thứ ba nào tùy thuộc vào sự đối xử nào, liên quan đến các biện pháp mà nước đó áp dụng đối với các thiệt hại này, có lợi nhất đối với nhà đầu tư.

ĐIỀU 7

CHUYỂN TIỀN

1. Sau khi hoàn thành tất cả các nghĩa vụ về thuế, mỗi Bên ký kết sẽ cho phép một cách có thiện chí mọi khoản tiền liên quan tới đầu tư được chuyển một cách tự do và nhanh chóng ra hoặc vào lãnh thổ Bên ký kết đó. Việc chuyển tiền này bao gồm:

a) lợi nhuận,

b) tiền thu được từ việc bán hoặc thanh lý một phần hoặc toàn bộ đầu tư,

c) tiền bồi thường theo Điều 5,

d) tiền trả cho các khoản vay và tiền trả lãi phát sinh từ các khoản vay liên quan tới đầu tư,

e) lương, tiền công và các tiền thù lao trả cho công dân của một Bên ký kết đã được cấp giấy phép lao động tương ứng liên quan tới đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia,

f) tiền bồi thường phát sinh từ tranh chấp đầu tư.

2. Việc chuyển tiền được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi mà khoản đầu tư đã được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi đó; hoặc bằng bất kỳ đồng tiền tự do chuyển đổi nào theo tỷ giá tính có hiệu lực tại thời điểm chuyển tiền, trừ trường hợp nhà đầu tư và Bên ký kết tiếp nhận đầu tư có thỏa thuận khác.

3. Khoản 1 và 2 ở trên không ảnh hưởng tới việc áp dụng một cách công bằng và không phân biệt đối xử pháp luật của một Bên ký kết liên quan tới phá sản và mất khả năng thanh toán, và đảm bảo thực hiện đầy đủ các phán quyết trong quá trình tố tụng tư pháp và tố tụng hành chính.

ĐIỀU 8

THẾ QUYỀN

1. Nếu đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết được bảo hiểm tránh rủi ro phi thương mại theo pháp luật thì việc thế quyền của bên bảo hiểm xuất phát từ các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm giữa nhà đầu tư và bên bảo hiểm sẽ được Bên ký kết kia công nhận.

2. Bên bảo hiểm, thông qua việc thế quyền, được thực hiện các quyền và thực thi các yêu cầu của nhà đầu tư và đảm nhận tất cả các nghĩa vụ liên quan tới đầu tư. Các quyền và quyền đòi tiền được chuyển giao thông qua việc thế quyền không được vượt quá quyền hay quyền đòi tiền ban đầu của nhà đầu tư.

3. Tranh chấp giữa một Bên ký kết và bên bảo hiểm sẽ được giải quyết theo các quy định tại Điều 9 của Hiệp định này. Khi bên bảo hiểm thanh toán cho nhà đầu tư và tiếp quản các quyền và yêu cầu của nhà đầu tư, nhà đầu tư sẽ không được sử dụng các quyền và yêu cầu đó để chống lại Bên ký kết đó.

ĐIỀU 9

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA MỘT BÊN KÝ KẾT VÀ NHÀ ĐẦU TƯ CỦA BÊN KÝ KẾT KIA

1. Bất kỳ tranh chấp pháp lý nào giữa nhà đầu tư của một Bên ký kết và Bên ký kết kia, phát sinh trực tiếp từ một khoản đầu tư, và liên quan đến việc nghi ngờ vi phạm các nghĩa vụ của Bên ký kết kia theo Hiệp định này, mà gây thiệt hại cho khoản đầu tư đầu tư đó sẽ được cố gắng giải quyết thông qua tham vấn và thương lượng có thiện chí giữa nhà đầu tư và Bên ký kết liên quan. Với mục đích đó, nhà đầu tư sẽ gửi cho Bên ký kết tiếp nhận đầu tư thông báo bằng văn bản về yêu cầu thương lượng bao gồm thông tin chi tiết.

2. Nếu những tranh chấp này không thể giải quyết theo cách trên trong vòng 6 tháng tính từ thời điểm gửi thông báo bằng văn bản nêu tại khoản 1, nhà đầu tư có thể lựa chọn đưa tranh chấp ra:

a) Tòa án có thẩm quyền của Bên ký kết nơi đầu tư được tiến hành,

b) Trung tâm quốc tế về giải quyết tranh chấp đầu tư ("Trung tâm") được thành lập theo Công ước về giải quyết các tranh chấp đầu tư giữa nhà nước và công dân của nhà nước khác ("Công ước") với điều kiện hai Bên ký kết đều là thành viên của Công ước này,

c) Cơ chế phụ trợ của Trung tâm nếu chỉ một Bên ký kết là thành viên của Công ước; hoặc

d) Trọng tài theo vụ việc, trừ trường hợp các bên tranh chấp có thoả thuận khác, được thành lập theo các Quy tắc trọng tài của Uỷ ban Liên hợp quốc về luật thương mại quốc tế (UNCITRAL).

3. Một khi nhà đầu tư đã đưa vụ tranh chấp ra giải quyết theo bất kỳ thủ tục nào được quy định tại khoản 2 Điều này, thì sự lựa chọn đó là cuối cùng.

4. Hội đồng trọng tài ra quyết định phù hợp với các quy định của Hiệp định này, pháp luật của Bên ký kết tham gia tranh chấp mà đầu tư được tiến hành trên lãnh thổ của Bên đó (bao gồm cả các nguyên tắc về xung đột pháp luật) và các nguyên tắc có liên quan của luật pháp quốc tế được cả hai Bên ký kết chấp nhận.

5. Mặc dù có các quy định tại khoản 2 của Điều này,

a) Chỉ những tranh chấp chấp phát sinh trực tiếp từ hoạt động đầu tư đã được sự cho phép cần thiết, nếu có, theo pháp luật hiện hành về vốn nước ngoài của Bên ký kết tiếp nhận đầu tư và đã thực sự bắt đầu hoạt động đầu tư mới có thể thuộc quyền tài phán của Trung tâm Trọng tài quốc tế về giải quyết tranh chấp đầu tư (ICSID) hoặc bất cứ cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế nào được các Bên ký kết thỏa thuận theo khoản 2 của Điều này;

b) các tranh chấp liên quan tới bất động sản hoặc các quyền liên quan tới bất động sản sẽ hoàn toàn thuộc quyền tài phán của tòa án của Bên ký kết nơi tiếp nhận đầu tư, do vậy các tranh chấp này sẽ không được đưa ra giải quyết tại Trung tâm quốc tế về giải quyết tranh chấp đầu tư (ICSID) hay bất cứ cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế nào khác; và

c) Liên quan tới Điều 64 của "Công ước về giải quyết các tranh chấp đầu tư giữa nhà nước và công dân của nhà nước khác":

Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ sẽ không cho phép đưa bất cứ tranh chấp nào phát sinh giữa Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ và Bên ký kết nào liên quan tới việc giải thích hoặc áp dụng của "Công ước về giải quyết các tranh chấp đầu tư giữa nhà nước và công dân của nhà nước khác", mà đã không được giải quyết thông qua thương lượng, ra giải quyết tại Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc.

6. Quyết định của trọng tài là chung thẩm và ràng buộc các bên tranh chấp. Mỗi Bên ký kết có trách nhiệm tự mình thi hành phán quyết đó phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên ký kết đó.

ĐIỀU 10

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CÁC BÊN KÝ KẾT

1. Các Bên ký kết phải có thiện chí và cùng hợp tác tìm ra giải pháp nhanh chóng và công bằng cho bất cứ tranh chấp nào giữa hai bên liên quan tới giải thích và áp dụng Hiệp định này. Liên quan tới vấn đề này, các Bên ký kết đồng ý tham dự một cách trực tiếp và tích cực các phiên đàm phán để đi tới giải pháp. Nếu các Bên ký kết không đạt được thỏa thuận trong vòng sáu (6) tháng kể từ ngày tranh chấp giữa hai bên bắt đầu được đưa ra giải quyết theo thủ tục nêu trên, mỗi Bên ký kết có thể đưa tranh chấp ra Hội đồng trọng tài gồm 3 thành viên.

2. Trong vòng hai (2) tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu, mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một trọng tài. Hai trọng tài này sẽ chọn ra một trọng tài thứ ba, là công dân của nước thứ ba làm Chủ tịch hội đồng trọng tài. Trong trường hợp một Bên ký kết không chỉ định được trọng tài trong thời hạn nêu trên, Bên ký kết kia có thể mời Chủ tịch Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc tiến hành các chỉ định.

3. Trong vòng hai (2) tháng kể từ ngày được chỉ định, nếu hai trọng tài không thể thỏa thuận về việc lựa chọn Chủ tịch, mỗi bên có thể yêu cầu Chủ tịch Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc chỉ định Chủ tịch tòa trọng tài.

4. Trong trường hợp nêu tại khoản 2 và 3 của Điều này, nếu Chủ tịch Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc không được thực hiện chức năng này hoặc là công dân của một Bên ký kết, Phó Chủ tịch Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc sẽ tiến hành các chỉ định nói trên, nếu Phó Chủ tịch Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc không được thực hiện chức năng này hoặc là công dân của một Bên ký kết, thành viên cao cấp tiếp theo của Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc không phải là công dân của một Bên ký kết sẽ tiến hành các chỉ định.

5. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày chọn Chủ tịch, Hội đồng trọng tài sẽ thỏa thuận về các quy định về thủ tục theo các quy định tại Hiệp định này. Trong trường hợp không thỏa thuận được, hội đồng trọng tài sẽ yêu cầu Chủ tịch Tòa án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc chỉ định quy định về thủ tục, có tính đến các nguyên tắc được công nhận rộng rãi của thủ tục trọng tài quốc tế.

6. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, trong vòng tám (8) tháng kể từ ngày chọn được Chủ tịch, tất cả các đệ trình sẽ được đưa ra và các phiên điều trần sẽ được hoàn tất, và hội đồng trọng tài sẽ đưa ra quyết định của mình trong vòng hai (2) tháng sau khi bản đệ trình cuối cùng được đưa ra hoặc ngày kết thúc điều trần, tùy thuộc việc nào diễn ra sau. Hội đồng trọng tài đưa ra quyết định của mình thông qua bỏ phiếu đa số, quyết định đó là chung thẩm và ràng buộc các bên.

7. Chi phí cho Chủ tịch, các trọng tài khác cũng như các chi phí khác trong thủ tục trọng tài do mỗi Bên ký kết chịu bằng nhau. Tuy nhiên hội đồng trọng tài có thể quyết định một trong hai Bên ký kết sẽ phải chịu phần chi phí cao hơn.

8. Tranh chấp sẽ không được đưa ra tòa trọng tài quốc tế theo quy định tại Điều này, nếu tranh chấp đó đã được đưa ra một tòa trọng tài quốc tế khác theo quy định tại Điều 9 và đang trong quá trình xử lý. Việc này sẽ không cản trở việc tham gia thương lượng trực tiếp và có ý nghĩa giữa hai Bên ký kết.

ĐIỀU 11

PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng cho đầu tư trên lãnh thổ của một Bên ký kết, được thực hiện phù hợp với pháp luật của Bên đó, do nhà đầu tư của Bên ký kết kia tiến hành trước hoặc sau khi Hiệp định này có hiệu lực. Tuy nhiên, Hiệp định này không áp dụng cho các tranh chấp phát sinh trước khi Hiệp định có hiệu lực.

ĐIỀU 12

HIỆU LỰC CỦA HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng của các Bên ký kết bằng văn bản thông qua các kênh ngoại giao, thông báo cho nhau về việc đã hoàn thành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật nước mình để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong vòng mười (10) năm và sẽ tiếp tục có hiệu lực trừ trường hợp chấm dứt theo khoản 2 của Điều này.

2. Mỗi Bên ký kết có thể chấm dứt hiệu lực của Hiệp định này bằng cách thông báo bằng văn bản trước 1 năm cho Bên ký kết kia vào thời điểm kết thúc giai đoạn mười (10) năm đầu tiên hoặc bất kỳ thời điểm nào sau đó.

3. Hiệp định này có thể được sửa đổi khi có thỏa thuận bằng văn bản của các Bên ký kết tại bất kỳ thời điểm nào. Sửa đổi sẽ có hiệu lực theo cùng thủ tục pháp lý quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Liên quan đến các khoản đầu tư đã được thực hiện hoặc có được trước ngày chấm dứt hiệu lực Hiệp định này và thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định này, các quy định của tất cả các Điều khoản khác của Hiệp định này sẽ tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn mười (10) năm kể từ ngày chấm dứt hiệu lực Hiệp định này.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây, được uỷ quyền hợp lệ của Chính phủ nước mình, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Ankara, ngày 15 tháng 01 năm 2014 thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau.

Trong trường hợp có sự khác nhau về giải thích, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA THỔ NHĨ KỲ
Vũ Huy Hoàng	Nihat Zeybekci
Bộ trưởng Bộ Công Thương	Bộ trưởng Bộ Kinh tế

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF TURKEY

CONCERNING

THE RECIPROCAL PROMOTION

AND

PROTECTION OF INVESTMENTS

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Turkey, hereinafter referred to as "the Contracting Parties",

Desiring to promote greater economic cooperation between them, particularly with respect to investment by investors of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party;

Recognizing that agreement upon the treatment to be accorded such investments will stimulate the flow of capital and technology and the economic development of the Contracting Parties;

Acknowledging that the encouragement and reciprocal protection of such investments will be conducive to the stimulation of business initiative and to the increase of prosperity in both Contracting Parties; and

Convinced that these objectives can be achieved without relaxing health, safety and environmental measures of general application,

Having resolved to conclude an agreement concerning the encouragement and reciprocal protection of investments,

Have agreed as follows:

ARTICLE 1
Definitions

For the purpose of this Agreement:

1. The term "investment" means every kind of asset, in the territory of one Contracting Party invested by an investor of the other Contracting Party, connected with business activities, acquired for the purpose of establishing lasting economic relations in the territory of a Contracting Party in conformity with its laws and regulations, and shall include in particular, but not exclusively:

(a) movable and immovable property, as well as any other property rights as mortgages, pledges and any other similar rights as defined in conformity with the laws and regulations of the Contracting Party in whose territory the property is situated,

(b) reinvested returns, claims to money or any other rights having financial value related to an investment,

(c) shares, stocks or any other form of participation in companies,

(d) industrial and intellectual property rights such as patents, industrial designs, technical processes, as well as trademarks, goodwill, know-how and other similar rights,

(e) business concessions conferred by law or by contract, including concessions related to natural resources;

provided that such investments are not in the nature of acquisition of shares or voting power less than 10 percent of a company through stock exchanges which shall not be covered by this Agreement.

Any change in the form in which assets or rights are invested or reinvested shall not affect their character as investments provided that such change is in accordance with the laws and regulations of the hosting Contracting Party.

2. The term "investor" means:

(a) natural persons deriving their status as nationals of a Contracting Party according to its laws and regulations,

(b) corporations, firms, business partnerships incorporated or constituted under the law in force of a Contracting Party and having their registered offices together with substantial business activities in the territory of that Contracting Party,

who have made an investment in the territory of the other Contracting Party.

3. The term "returns" means the amounts yielded by an investment and includes in particular, though not exclusively, profit, interest, capital gains, royalties, fees and dividends.

4. The term "territory":

(a) as regards the Socialist Republic of Viet Nam, refers to its land territory, islands, internal waters, territorial sea and airspace above them as well as the maritime areas beyond territorial sea including seabed and subsoil over which it has jurisdiction or sovereign rights or sovereignty for the purposes of exploration, exploitation or conservation of natural resources, pursuant to national legislation and international law.

(b) as regards the Republic of Turkey, refers to land territory, internal waters, the territorial sea and the airspace above them, as well as the maritime areas over which Turkey has sovereign rights or jurisdiction for the purposes of exploration, exploitation and preservation of natural resources whether living or non-living pursuant to international law.

5. The term "freely convertible currency" means the currency that is widely used to make payments for international transactions and widely exchanged in principal international exchange markets.

ARTICLE 2
Promotion and Protection of Investments

1. Subject to its laws and regulations, each Contracting Party shall in its territory promote as far as possible investments by investors of the other Contracting Party.

2. Investments of investors of each Contracting Party shall at all times be accorded fair and equitable treatment and shall enjoy full protection in the territory of the other Contracting Party. Neither Contracting Party shall in any way impair by unreasonable or discriminatory measures the management, maintenance, use, enjoyment, extension, or disposal of such investments.

ARTICLE 3
Treatment of Investments

1. Subject to its laws and regulations, each Contracting Party shall admit in its territory investments on a basis no less favourable than that accorded in like circumstances to investments of investors of any third State.

2. Subject to its laws and regulations, each Contracting Party shall accord to investments of investors of the other Contracting Party, once established, treatment no less favourable than that accorded in like circumstances to investments of its investors.

3. Each Contracting Party shall accord to investments of investors of the other Contracting Party, once established, treatment no less favourable than that accorded in like circumstances to investments of investors of any third State.

4. The Contracting Parties shall within the framework of their national legislation give sympathetic consideration to applications for the entry and sojourn of persons of either Contracting Party who wish to enter the territory of the other Contracting Party in connection with the making and carrying through of an investment; the same shall apply to nationals of either Contracting Party who in connection with an investment wish to enter the territory of the other Contracting Party and sojourn there to take up employment. Application for work permits shall also be given sympathetic consideration.

5. (a) The provisions of this Article shall not be construed so as to oblige one Contracting Party to extend to the investors of the other Contracting Party the benefit of any treatment, preference or privilege which may be extended by the former Contracting Party by virtue of any international agreement or arrangement relating wholly or mainly to taxation.

(b) The non-discrimination, national treatment and most-favored nation treatment provisions of this Agreement shall not apply to all actual or future advantages accorded by either Contracting Party by virtue of its membership of, or association with a customs, economic or monetary union, a common market or a free trade area; to nationals or companies of its own, of Member States of such union, common market or free trade area, or of any other third State.

(c) For greater certainty, the obligation in this Article does not encompass a requirement for a Contracting Party to extend to investors of the other Contracting Party dispute resolution procedure other than those set out in this Agreement.

d) The provisions of Article 2 and 3 of this Agreement shall not oblige one Contracting Party to accord investments of investors of the other Contracting Party the same treatment that it accords to investments of its own investors with regard to acquisition of land and real estates, and real rights upon them.

ARTICLE 4
Right to Regulate

1. Nothing in this Agreement shall be construed to prevent a Contracting Party from adopting, maintaining, or enforcing any non-discriminatory measures:

(a) designed and applied for the protection of human, animal or plant life or health, or the environment;

(b) related to the conservation of living or non-living exhaustible natural resources;

(c) imposed for the protection of national treasures of artistic, historic, archeological value.

2. Nothing in this Agreement shall be construed:

(a) to require any Contracting Party to furnish or allow access to any information the disclosure of which it determines to be contrary to its essential security interests;

(b) to prevent any Contracting Party from taking any actions that it considers necessary for the protection of its essential security interests

(i) relating to the traffic in arms, ammunition and implements of war and to such traffic and transactions in other goods, materials, services and technology undertaken directly or indirectly for the purpose of supplying a military or other security establishment,

(ii) taken in time of war or other emergency in international relations,

(iii) to protect critical public infrastructures, including communication, power and water infrastructures, from deliberate attempts intended to disable or degrade such infrastructures;

or

(iv) relating to the implementation of national policies or international agreements respecting the non-proliferation of nuclear weapons or other nuclear explosive devices; or

(c) to prevent any Contracting Party from taking action in pursuance of its obligations under the United Nations Charter for the maintenance of international peace and security.

ARTICLE 5
Expropriation and Compensation

1. Investments shall not be expropriated, nationalized or subject, directly or indirectly, to measures of similar effects (hereinafter referred as expropriation) except for a public purpose, in a non-discriminatory manner, upon payment of prompt, adequate and effective compensation, and in accordance with due process of law and the general principles of treatment provided for in Article 3 of this Agreement.

2. Non-discriminatory legal measures designed and applied to protect legitimate public welfare objectives, such as health, safety and environment, do not constitute indirect expropriation.

3. Compensation shall be equivalent to the market value of the expropriated investment before the expropriation was taken or became public knowledge. Compensation shall be paid without delay and be freely transferable as described in Article 7.

4. In the event that payment of compensation is delayed, it shall carry an interest at a rate to be agreed upon by both parties unless such rate is prescribed by laws and regulations from the date of expropriation until the date of payment.

5. Notwithstanding paragraph 1, 2 and 3 above, any measure of expropriation relating to land shall be subject to the laws and regulations of the expropriating Contracting Party concerning the terms of such expropriation and the payment of compensation.

ARTICLE 6
Compensation for Losses

Investors of either Contracting Party whose investments suffer losses in the territory of the other Contracting Party owing to war, insurrection, civil disturbance or other similar events shall be accorded by such other Contracting Party treatment no less favourable than that accorded to its own investors or to investors of any third State, whichever is the most favourable treatment, as regards any measures it adopts in relation to such losses.

ARTICLE 7
Repatriation and Transfer

1. Upon fulfillment of all tax obligations, each Contracting Party shall permit in good faith all transfers related to an investment to be made freely and without delay into and out of its territory. Such transfers include:

(a) returns,

(b) proceeds from the sale or liquidation of all or any part of an investment,

(c) compensation pursuant to Article 5,

(d) reimbursements and interest payments deriving from loans in connection with investments,

(e) salaries, wages and other remunerations received by the nationals of one Contracting Party who have obtained in the territory of the other Contracting Party the corresponding work permits related to an investment,

(f) payments arising from an investment dispute.

2. Transfers shall be made in the convertible currency in which the investment has been made or in any convertible currency at the rate of exchange in force at the date of transfer, unless otherwise agreed by the investor and the hosting Contracting Party.

3. Paragraphs 1 and 2 above are without prejudice to the equitable and non-discriminatory application of a Contracting Party's laws and regulations relating to bankruptcy and insolvency and to ensure the execution and satisfaction of judgements in adjudicatory and administrative proceedings.

ARTICLE 8
Subrogation

1. If the investment of an investor of one Contracting Party is insured against non-commercial risks under a system established by law, any subrogation of the insurer, which stems from the terms of the insurance agreement between the investor and the insurer, shall be recognized by the other Contracting Party.

2. The insurer is entitled by virtue of subrogation to exercise the rights and enforce the claims of that investor and shall assume the obligations related to the investment. The subrogated rights or claims shall not exceed the original rights or claims of the investor.

3. Disputes between a Contracting Party and an insurer shall be settled in accordance with the provisions of Article 9 of this Agreement. Where the insurer has made a payment to the investor and has taken over rights and claims of the investor, the investor shall not pursue those rights and claims against that Contracting Party.

ARTICLE 9
Settlement of Disputes Between One Contracting Party and Investors of the Other Contracting Party

1. Any legal dispute arising directly out of an investment, between a Contracting Party and an investor of the other Contracting Party concerning an alleged breach of an obligation of the former under this Agreement, and which causes loss or damage to that investment, shall be endeavored to be settled by consultations and negotiations in good faith between the investor and the concerned Contracting Party. For this purpose, a written notification of negotiation including detailed information shall be submitted by the investor to the hosting Contracting Party.

2. If these disputes cannot be settled in this way within six (6) months following the date of the written notification mentioned in paragraph 1, the dispute can be submitted, as the investor may choose, to:

(a) the competent court of the Contracting Party in whose territory the investment has been made,

(b) the International Center for Settlement of Investment Disputes ("The Centre") set up by the "Convention on Settlement of Investment Disputes Between States and Nationals of other States", ("The Convention") in case both Contracting Parties become parties of this Convention,

(c) the Additional Facility of the Centre, if only one of the Contracting Parties is a party to the Convention; or

(d) an ad hoc arbitral tribunal which, unless otherwise agreed upon by the parties to the dispute, shall be established under the Arbitration Rules of the United Nations Commission on International Trade Law (UNCITRAL).

3. Once the investor has submitted the dispute to the one of the dispute settlement procedures mentioned in paragraph 2 of this Article, the choice of one of these procedures is final.

4. The arbitration tribunal shall take its decisions in accordance with the provisions of this Agreement, the laws and regulations of the Contracting Party involved in the dispute on which territory the investment is made (including its rules on the conflict of law) and the relevant principles of international law as accepted by both Contracting Parties.

5. Notwithstanding the provisions of paragraph 2 of this Article,

(a) only the disputes arising directly out of investment activities which have obtained necessary permission, if any, in conformity with the relevant legislation of the hosting Contracting Party on foreign capital, and that effectively started shall be subject to the jurisdiction of the International Center for Settlement of Investment Disputes (ICSID), or any other international dispute settlement mechanism as agreed upon by the Contracting Parties in paragraph 2 of this Article;

(b) the disputes, related to the property and real rights upon the real estates are totally under the jurisdiction of the hosting Contracting Party's courts and therefore shall not be submitted to jurisdiction of the International Center for Settlement of Investment Disputes (ICSID) or any other international dispute settlement mechanism; and

(c) With regard to the Article 64 of the "Convention on the Settlement of Investment Disputes between States and Nationals of other States":

The Republic of Turkey shall not accept the referral of any disputes arising between the Republic of Turkey and any other Contracting State concerning the interpretation or application of "Convention on the Settlement of Investment Disputes between States and Nationals of other States", which is not settled by negotiation, to the International Court of Justice.

6. The arbitration awards shall be final and binding for all parties in dispute. Each Contracting Party commits itself to execute the award according to its national law.

ARTICLE 10
Settlement of Disputes Between The Contracting Parties

1. The Contracting Parties shall seek in good faith and a spirit of cooperation a rapid and equitable solution to any dispute between them concerning the interpretation or application of this Agreement. In this regard, the Contracting Parties agree to engage in direct and meaningful negotiations to arrive at such solutions. If the Contracting Parties cannot reach an agreement within six (6) months after the beginning of disputes between themselves through the foregoing procedure, the disputes may be submitted, upon the request of either Contracting Party, to an arbitral tribunal of three members.

2. Within two (2) months of receipt of a request, each Contracting Party shall appoint an arbitrator. The two arbitrators shall select a third arbitrator as Chairman, who is a national of a third State. In the event either Contracting Party fails to appoint an arbitrator within the specified time, the other Contracting Party may request the President of the International Court of Justice to make the appointment.

3. If both arbitrators cannot reach an agreement about the choice of the Chairman within two (2) months after their appointment, the Chairman shall be appointed upon the request of either Contracting Party by the President of the International Court of Justice.

4. If, in the cases specified under paragraphs 2 and 3 of this Article, the President of the International Court of Justice is prevented from carrying out the said function or if he is a national of either Contracting Party, the appointment shall be made by the Vice-President, and if the Vice-President is prevented from carrying out the said function or if he is a national of either Contracting Party, the appointment shall be made by the most senior member of the Court who is not a national of either Contracting Party.

5. Unless otherwise agreed, the tribunal shall have three (3) months from the date of the selection of the Chairman to agree upon rules of procedure consistent with the other provisions of this Agreement. In the absence of such agreement, the tribunal shall request the President of the International Court of Justice to designate rules of procedure, taking into account generally recognized rules of international arbitral procedure.

6. Unless otherwise agreed, all submissions shall be made and all hearings shall be completed within eight (8) months of the date of selection of the Chairman, and the tribunal shall render its decision within two (2) months after the date of the final submissions or the date of the closing of the hearings, whichever is later. The arbitral tribunal shall reach its decisions, which shall be final and binding, by a majority of votes.

7. Expenses incurred by the Chairman, the other arbitrators, and other costs of the proceedings shall be paid for equally by the Contracting Parties. The tribunal may, however, at its discretion, decide that a higher proportion of the costs be paid by one of the Contracting Parties.

8. A dispute shall not be submitted to an international arbitration court under the provisions of this Article, if the same dispute has been brought before another international arbitration court under the provisions of Article 9 and is still before the court. This will not impair the engagement in direct and meaningful negotiations between both Contracting Parties.

ARTICLE 11
Scope of Application

This Agreement shall apply to investments in the territory of one Contracting Party, made in accordance with its national laws and regulations, by investors of the other Contracting Party, whether prior to, or after the entry into force of the present Agreement. However, this Agreement shall not apply to any disputes that have arisen before its entry into force.

ARTICLE 12
Entry into Force

1. This Agreement shall enter into force on the date of the receipt of the last written notification by which the Contracting Party notify each other, through diplomatic channels, of the completion of their internal legal procedures required for the entry into force of this Agreement. It shall remain in force for a period of ten (10) years and shall continue in force unless terminated in accordance with paragraph 2 of this Article.

2. Either Contracting Party may, by giving one year's written notice to the other Contracting Party, terminate this Agreement at the end of the initial ten-year period or at any time thereafter.

3. This Agreement may be amended by mutual written consent of the Contracting Parties at any time. The amendments shall enter into force in accordance with the same legal procedure prescribed under the first paragraph of the present Article.

4. With respect to investments made or acquired prior to the date of termination of this Agreement and to which this Agreement otherwise applies, the provisions of all of the other Articles of this Agreement shall thereafter continue to be effective for a further period of ten (10) years from such date of termination.

IN WITNESS WHEREOF the undersigned, duly authorized thereto by their respective Government, have signed this Agreement.

DONE in duplicate at Ankara, on January 15, 2014, in the Vietnamese, Turkish and English languages, all texts being equally authentic.

In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF TURKEY
Vu Huy Hoang	Nihat Zeybekci
MINISTER OF TRADE AND INDUSTRY	MINISTER OF ECONOMY

VİETNAM SOSYALİST CUMHURİYETİ HÜKÜMETİ

İLE

TÜRKİYE CUMHURİYETİ HÜKÜMETİ

ARASINDA

YATIRIMLARIN

KARŞILIKLI TEŞVİKİ VE KORUNMASINA İLİŞKİN

ANLAŞMA

Bundan sonra "Akit Taraflar" olarak anılacak olan Vietnam Sosyalist Cumhuriyeti Hükümeti ve Türkiye Cumhuriyeti Hükümeti:

Özellikle bir Akit Tarafın yatırımcılarının, diğer Akit Tarafın ülkesindeki yatırımları ile ilgili olarak, aralarındaki ekonomik işbirliğini artırma arzusu ile;

Bu gibi yatırımlara uygulanacak muameleye ilişkin anlaşmanın sermaye ve teknoloji akımı ile Akit Tarafların ekonomik kalkınmasını canlandıracağını kabul ederek;

Bu gibi yatırımların teşvik edilmesi ve karşılıklı olarak korunmasının her iki Akit Taraftaki iş girişimlerine yardımcı olacağını ve refahı arttıracağını onaylayarak; ve

Bu amaçlara, sağlık, güvenlik ve çevreyle ilgili genel uygulama önlemleri zayıflatılmadan ulaşılabileceğine ikna olarak;

Yatırımların teşviki ve karşılıklı korunması ile ilgili bir anlaşmanın yapılmasına karar vermiş olarak;

Aşağıdaki şekilde anlaşmaya varmışlardır:

MADDE 1
Tanımlar

İşbu Anlaşmanın amacı bakımından:

1. "Yatırım" terimi; Akit Taraflardan birinin ülkesinde bu Akit Tarafın kanunları ve düzenlemelerine uygun olarak diğer Akit Tarafın bir yatırımcısı tarafından ev sahibi Akit Tarafın ülkesinde uzun süreli ekonomik ilişkiler kurmak amacıyla, iş faaliyetleri ile bağlantılı olarak edinilen her türlü mal varlığını ifade eder ve bunlarla kısıtlı olmamak koşuluyla özellikle aşağıdakileri içerir:

(a) taşınır ve taşınmaz malların yanı sıra ipotek, rehin ve malvarlığının bulunduğu Akit Tarafın kanun ve düzenlemelerine uygun olarak tanımlanan diğer benzer mülkiyet hakları,

(b) yeniden yatırılan gelirler, para alacakları veya bir yatırımla ilgili mali değeri olan diğer haklar,

(c) hisseler, hisse senetleri ya da şirketlere iştirakin diğer herhangi bir şekli,

(d) patentler, endüstriyel tasarımlar, teknik süreçler gibi fikri ve sınai mülkiyet haklarının yanında, ticari markalar, peştemaliye, know-how ve diğer benzer haklar,

(e) doğal kaynaklara yönelik imtiyazlar da dahil olmak üzere, kanun veya bir yatırım sözleşmesi ile verilmiş iş imtiyazları;

Şu şartla ki, bu gibi yatırımlar; bir şirketin %10'dan azına karşılık gelen veya temsil eden hissesinin veya oy hakkının borsa yoluyla edinimi niteliğinde olduğunda işbu Anlaşma kapsamına girmez.

Varlıkların yatırıldığı veya tekrar yatırıldığı biçimdeki herhangi bir değişiklik, bu gibi bir değişikliğin ülkesinde yatırım yapılan Akit Tarafın kanun ve düzenlemelerine uygun olarak gerçekleşmiş olması koşulu ile, bunların yatırım olarak nitelendirilmesini etkilemez.

2. "Yatırımcı" terimi:

diğer Akit Tarafın ülkesinde yatırım yapmış olan,

(a) her bir Akit Tarafın kanunları ve düzenlemelerine göre vatandaşları sayılan gerçek kişileri,

(b) Akit Taraflardan birinin yürürlükteki kanunları çerçevesinde kurulmuş veya teşekkül etmiş ve kayıtlı ofisi ile birlikte esaslı iş faaliyetleri o Akit Tarafın ülkesinde bulunan şirketleri, firmaları veya iş ortaklıklarını ifade eder.

3. "Gelirler" terimi bir yatırımdan elde edilen meblağları ifade eder ve bunlarla kısıtlı olmamak kaydıyla özellikle, kar, faiz, sermaye kazançları, royaltiler, ücretler ve temettüleri içerir.

4. "Ülke" terimi :

(a) Vietnam Sosyalist Cumhuriyeti ile ilgili olarak; kara ülkesini, adalarını, iç sularını, karasularını ve üzerlerinde yer alan hava sahasının yanısıra doğal kaynakların araştırılması, kullanılması ve korunması amacıyla Vietnam Sosyalist Cumhuriyeti'nin ulusal mevzuatına ve uluslararası hukuka uygun olarak üzerinde egemenlik veya kaza hakkının veya egemenliğinin bulunduğu deniz yatağı ve altındaki toprakları da içermek üzere karasuları ötesindeki deniz sahalarını ifade eder.

(b) Türkiye Cumhuriyeti ile ilgili olarak; kara ülkesini, iç sularını, karasularını ve bunların üzerinde yer alan hava sahasını, aynı zamanda, canlı veya cansız doğal kaynakların araştırılması, kullanılması ve korunması amacıyla Türkiye'nin uluslararası hukuka uygun olarak üzerinde egemenlik veya kaza hakkına sahip olduğu deniz alanlarını ifade eder.

5. "Serbestçe çevrilebilir döviz", uluslararası işlemlerde yaygın olarak ödeme yapmada kullanılan ve başlıca uluslararası döviz piyasalarında yaygın biçimde ticareti yapılan döviz anlamına gelir.

MADDE 2
Yatırımların Teşviki ve Korunması

1. Her bir Akit Taraf, ülkesinde, diğer Akit Taraf yatırımcılarının yatırımlarını kendi kanun ve düzenlemelerine uygun olarak, mümkün olduğunca teşvik eder.

2. Her bir Akit Tarafın yatırımcılarının yatırımları her zaman adil ve hakkaniyete uygun bir muameleye tabi tutulur ve diğer Akit Tarafın ülkesinde tam korumadan yararlanır. Hiç bir Akit Taraf makul olmayan veya ayrımcı tedbirlerle bu gibi yatırımların yönetilmesine, sürdürülmesine, kullanımına, faydalanılmasına, genişletilmesine veya elden çıkarılmasına hiç bir şekilde engel olmayacaktır.

MADDE 3
Yatırımlara Uygulanacak Muamele

1. Her bir Akit Taraf, kendi kanun ve düzenlemeleri çerçevesinde, yatırımları üçüncü ülke yatırımcılarının yatırımlarına benzer durumlarda uygulanandan daha az elverişli olmayan bir şekilde ülkesine kabul eder.

2. Her bir Akit Taraf, kendi kanun ve düzenlemeleri çerçevesinde, diğer Akit Tarafın yatırımcıları tarafından kurulmuş olan bu yatırımlara, kendi yatırımcılarının yatırımlarına benzer durumlarda uyguladığı muameleden daha az elverişli olmayan bir muamele uygular.

3. Her bir Akit Taraf, diğer Akit Tarafın yatırımcıları tarafından kurulmuş olan bu yatırımlara, üçüncü bir ülke yatırımcılarının yatırımlarına benzer durumlarda uyguladığı muameleden daha az elverişli olmayan bir muamele uygular.

4. Akit Taraflar, kendi ulusal mevzuatları çerçevesinde, bir yatırımın yapılması ve sürdürülmesiyle ilgili olarak diğer Akit Tarafın ülkesine girmek isteyen her bir Akit taraf vatandaşının geçici ikamet ve girişi için yapılan başvuruları iyi niyetle değerlendirir; aynı muamele, bir yatırımla bağlantılı olarak çalışmak için diğer Akit Tarafın ülkesine girmek ve geçici ikamet etmek isteyen her bir Akit Taraf vatandaşlarına da gösterilecektir. Çalışma izinleri için yapılan başvurular da iyi niyetle değerlendirilir.

5. (a) İşbu Maddenin hükümleri, bir Akit Tarafı, tamamen ya da kısmen vergilendirmeye ilişkin herhangi bir uluslararası anlaşma veya düzenlemeden kaynaklanan ve bu gibi bir anlaşmanın veya düzenlemenin tarafı olan Akit Tarafça sağlanan herhangi bir muameleyi, tercihi veya ayrıcalığı diğer Akit Tarafın yatırımcılarına sağlamakla yükümlü olduğu şeklinde yorumlanmaz.

(b) İşbu Anlaşmanın ayrımcılık yapmama, ulusal muamele ve en çok kayırılan ulus muamelesi hükümleri, her bir Akit Tarafın bir gümrük birliği, ekonomik birlik veya parasal birliğe, bir ortak pazara veya serbest ticaret bölgesine üyeliğinden veya bunlarla ortaklığından kaynaklanan ve bu Akit Tarafın kendi yatırımcılarına veya şirketlerine, bu gibi bir birliğin, ortak pazarın veya serbest ticaret bölgesinin üye devletlerinin vatandaşlarına veya şirketlerine veya herhangi bir üçüncü ülke vatandaşlarına veya şirketlerine tanıdığı mevcut veya gelecekteki avantajlara uygulanmaz.

(c) Daha açık bir ifade ile, işbu Madde'deki yükümlülük bir Akit Tarafça diğer Akit Tarafın yatırımcılarına bu Anlaşmada belirlenen uyuşmazlık çözümü prosedürlerinden başka bir uyuşmazlık çözümü prosedürünün uygulanmasına yönelik bir gereklilik içermez.

(d) İşbu Anlaşmanın 2. ve 3. Maddelerinin hükümleri, bir Akit Tarafı, toprak ve taşınmaz edinimi ve bunlar üzerinde ayni hak edinimi bakımından kendi yatırımcılarının yatırımlarına uyguladığı muamelenin aynısını diğer Akit Tarafın yatırımcılarının yatırımlarına uygulamakla yükümlü kılmaz.

MADDE 4
Düzenleme Hakkı

1. İşbu Anlaşmanın hiç bir hükmü, bir Akit Tarafı;

(a) insan, hayvan veya bitki hayatı ya da sağlığı; veya çevrenin korunması için uygulanan veya düzenlenen;

(b) tükenebilir canlı veya cansız doğal kaynakların korunmasıyla ilgili olan;

(c) sanatsal, tarihi ve arkeolojik değere sahip olan ulusal hazinelerin korunmasına yönelik olarak uygulanan;

ayrımcı olmayan herhangi bir önlemi almayı, sürdürmeyi ya da uygulamayı önleyecek şekilde yorumlanamaz.

2. İşbu Anlaşmanın hiç bir hükmü,

(a) hiç bir Akit Tarafı kendi temel güvenlik çıkarlarına aykırı gelecek herhangi bir bilginin açıklanmasının sağlanmasını veya buna yol açmasını gerektirecek,

(b) hiç bir Akit Tarafı, kendi temel güvenlik çıkarlarının korunması için

(i) silah, cephane ve savaş gereçleri ve askeri ya da diğer bir güvenlik kuruluşuna doğrudan ya da dolaylı tedarik sağlama amacıyla girişilen mal, teçhizat, hizmet ve teknoloji alım ve işlemleri ile ilgili,

(ii) savaş zamanında ya da uluslararası ilişkilerdeki acil durumlarda,

(iii) haberleşme, enerji ve su altyapılarını da içeren kritik öneme haiz kamuya ait altyapı tesislerini kullanılamaz hale getirecek veya bu gibi altyapılara zarar verecek kasıtlı girişimlerden korumakla amacıyla;

veya

(iv) nükleer silah ve diğer nükleer patlayıcı cihazların yayılmasının önlenmesine ilişkin ulusal politikaların ya da uluslararası Anlaşmaların uygulanmasıyla ilgili olarak,

gerekli olduğunu düşündüğü herhangi bir tedbiri almasını önleyecek, veya

(c) herhangi bir Akit Tarafı, Birleşmiş Milletler Şartının uluslararası barış ve güvenliğin sürdürülmesi yükümlülüklerinin yerine getirilmesine yönelik eylemde bulunmayı engelleyecek,

şekilde yorumlanamaz.

MADDE 5
Kamulaştırma ve Tazminat

1. Yatırımlar, kamu yararı gözetilerek ve ayrımcı olmayacak biçimde ve anında, yeterli, etkin tazminat ödenerek, hukuka ve işbu Anlaşmanın 3'üncü Maddesinde belirtilen genel muamele prensiplere uygun olarak yapılanlar dışında kamulaştırılamaz, devletleştirilemez veya doğrudan ya da dolaylı olarak benzer etkisi olan uygulamalara (bundan sonra kamulaştırma olarak anılacaktır) maruz bırakılamaz.

2. Sağlık, güvenlik ve çevre gibi kamusal refaha ilişkin meşru hedeflerin korunması için düzenlenen ve uygulanan ayrımcı olmayan yasal önlemler, dolaylı kamulaştırma teşkil etmez.

3. Tazminat, kamulaştırılan yatırımın kamulaştırma işleminin yapıldığı veya duyurulduğu tarihten önceki piyasa değerine eşit olur. Tazminat gecikme olmaksızın ödenir ve işbu Anlaşmanın 7. Maddesinde belirtildiği şekilde serbestçe transfer edilebilir.

4. Tazminatın ödenmesinde gecikme olması durumunda ödeme, kamulaştırma tarihinden ödeme tarihine kadar, kanun ve düzenlemelerde bu gibi bir oran öngörülmemişse, her iki tarafça üzerinde anlaşılan bir oran üzerinden faiz içerir.

5. İşbu Madde'nin 1'inci, 2'nci ve 3'üncü paragraflarının hükümlerine bakılmaksızın; arazi kamulaştırmaları kapsamında kamulaştırmanın koşullarıyla ve tazminatın ödenmesiyle ilgili esaslar kamulaştırmayı gerçekleştiren Akit Tarafın kanun ve düzenlemelerine tabidir.

MADDE 6
Zararlar İçin Tazminat

Yatırımları diğer Akit Tarafın ülkesinde savaş, ayaklanma, iç karışıklık veya diğer benzer olaylar nedeniyle zarar gören Akit Taraflardan her birinin yatırımcıları, diğer Akit Tarafın bu gibi kayıplar bakımından aldığı tedbirler ile ilgili olarak, kendi yatırımcılarına ya da herhangi üçüncü bir ülke yatırımcılarına uygulanan muameleden daha az elverişli olmamak üzere, hangisi en elverişli ise, o muameleye tabi tutulur.

MADDE 7
Ülkesine İade ve Transfer

1. Vergisel tüm yükümlülüklerin yerine getirilmesinin ardından, her bir Akit Taraf bir yatırımla ilgili bütün transferlerin kendi ülkesinden içeri ve dışarıya serbestçe ve gecikme olmaksızın yapılmasına iyi niyetle izin verir. Bu gibi transferler aşağıdakileri içerir:

(a) gelirler,

(b) bir yatırımın tamamının veya bir kısmının satışı veya tasfiyesinden elde edilen meblağlar,

(c) Madde 5 çerçevesinde ödenecek tazminatlar,

(d) yatırımlarla ilgili olarak alınmış kredilerin ana para ve faiz ödemeleri,

(e) bir Akit Tarafın ülkesinde bir yatırımla ilgili uygun çalışma izinlerini edinmiş olan diğer Akit Taraf vatandaşlarının aldıkları maaşlar, ücretler ve diğer gelirleri,

(f) bir yatırım uyuşmazlığından kaynaklanan ödemeler.

2. Aksi yatırımcı ve ev sahibi Akit Tarafça kararlaştırılmadıkça, transferler, yatırımın yapılmış olduğu konvertibl para birimi veya herhangi bir konvertibl para birimiyle, transferin yapıldığı tarihte geçerli olan döviz kuru üzerinden yapılır.

3. Yukarıda yer alan 1'inci ve 2'nci paragraflar bir Akit Tarafın iflas ve ödeme aczine yönelik eşit ve ayrımcı olmayan kanun ve düzenlemelerinin uygulanmasına ve adli ve idari kovuşturmalara yönelik yargı kararlarının icra ve ifasının temin edilmesine halel getirmez.

MADDE 8
Halefiyet

1. Eğer bir Akit Taraf yatırımcısının yatırımı, ticari olmayan risklere karşı kanuni bir sistem dahilinde sigorta edilmişse; sigortalayanın yatırımcı ile sigortalayan arasındaki sigorta sözleşmesinin şartlarından kaynaklanan her türlü halefiyeti diğer Akit Tarafça tanınır.

2. Sigortalayan halefiyetten dolayı yatırımcının haklarını kullanmaya ve taleplerini öne sürmeye yetkilidir ve yatırım ile ilgili sorumlulukları da üstlenir. Halef olunan haklar ya da talepler yatırımcının özgün haklarını ya da taleplerini aşamaz.

3. Bir Akit Taraf ile sigortalayan arasındaki uyuşmazlıklar işbu Anlaşmanın 9'uncu Maddesinin hükümlerine göre çözümlenir. Sigortalayanın yatırımcıya bir ödeme yaptığı ve yatırımcının haklarını ve alacaklarını devraldığı durumlarda yatırımcı Akit Tarafa karşı bu hak ve taleplerini öne süremez.

MADDE 9
Bir Akit Taraf ile Diğer Akit Tarafın Yatırımcıları Arasındaki Uyuşmazlıkların Çözümü

1. Bir Akit Taraf ile diğer Akit Tarafın bir yatırımcısı arasında, doğrudan bir yatırımdan kaynaklanan, bahsi geçen yatırımda kayıp veya zarara sebep olan ve bir Akit Tarafın işbu Anlaşmaya bağlı bir sorumluluğunu ihlaline ilişkin herhangi bir hukuki uyuşmazlık yatırımcı ile ilgili Akit Taraf arasında iyi niyetli danışmalar ve müzakereler aracılığıyla çözülmeye gayret edilir. Bu amaçla müzakerelere ait detaylı bilgileri içeren yazılı bir tebligat yatırımcı tarafından ev sahibi Akit Tarafa iletilir.

2. Eğer bu uyuşmazlıklar 1'inci paragrafta bahsedilen yazılı bildirim tarihini takip eden altı (6) ay içerisinde bu şekilde çözümlenemezse, uyuşmazlık, yatırımcı tarafından seçilebilecek aşağıdaki mekanizmalara sunulabilir:

(a) ülkesinde yatırım yapılan Akit Tarafın yetkili mahkemesi,

(b) Her iki Akit Tarafın Sözleşmeye taraf olması durumunda, "Devletler ile Diğer Devletlerin Vatandaşları Arasındaki Yatırım Uyuşmazlıklarının Çözümü Sözleşmesi" (Sözleşme) ile kurulmuş Yatırım Uyuşmazlıklarının Çözümü için Uluslararası Merkez (Merkez),

(c) Akit Taraflardan yalnızca birinin Sözleşmeye taraf olması durumunda Merkez'in Ek İmkanı; veya

(d) Bir ad hoc hakem mahkemesine, aksi taraflarca kararlaştırılmadığı durumlarda, bu hakem heyetinin Birleşmiş Milletler Uluslararası Ticaret Hukuku Komisyonu (UNCITRAL)'in Tahkim Usulü Kurallarına göre kurulması ile.

3. Yatırımcının uyuşmazlığı bu Maddenin 2. paragrafında bahsedilen uyuşmazlık çözüm yollarından birine sunmuş olması durumunda, bu yollardan birinin seçimi nihaidir.

4. Tahkim Kurulu kararını işbu Anlaşmanın hükümlerine, yatırımın ülkesinde yapıldığı ve uyuşmazlığa taraf olan Akit Tarafın kanunlar ihtilafına ilişkin kurallarını da içeren ulusal hukukuna ve her iki Akit Tarafça kabul edilen uluslararası hukukun ilgili prensiplerine dayandırır.

5. Bu Madde'nin 2'inci paragrafının hükümlerine bakılmaksızın;

(a) yalnızca, gerekli izni almış (izin gerekmesi halinde) ve ev sahibi Akit Tarafın yabancı sermaye ile ilgili mevzuatına uygun olarak ve fiilen başlamış yatırım faaliyetlerinden doğrudan kaynaklanan uyuşmazlıklar, Yatırım Uyuşmazlıklarının Çözümü için Uluslararası Merkez'e (ICSID) veya Akit Tarafların üzerinde uzlaştıkları ve işbu Maddenin 2. paragrafında bahsedilen diğer herhangi bir uluslararası uyuşmazlık çözüm mekanizmasına sunulabilir.

(b) taşınmazlar üzerindeki mülkiyet hakları ve ayni haklara ilişkin uyuşmazlıklar tamamen ev sahibi Akit Tarafın mahkemelerinin yargılama yetkisi altındadır ve bu nedenle Yatırım Uyuşmazlıkları Çözümü için Uluslararası Merkez'e (ICSID) ya da diğer herhangi bir uluslararası uyuşmazlık çözümü mekanizmasına sunulamaz; ve

(c) "Devletler ile diğer Devletlerin Vatandaşları arasındaki Yatırım Uyuşmazlıklarının Çözümü Sözleşmesi"nin 64'üncü Maddesi ile ilgili olarak:

Türkiye Cumhuriyeti, "Devletler ile diğer Devletlerin Vatandaşları arasındaki Yatırım Uyuşmazlıklarının Çözümü Sözleşmesi"nin yorumu ya da uygulanmasıyla ilgili olarak Türkiye Cumhuriyeti ve diğer herhangi bir Akit Devlet arasında ortaya çıkmış ve görüşmeler yoluyla çözümlenmemiş herhangi bir uyuşmazlığın Uluslararası Adalet Divanı'na götürülmesini kabul etmez.

6. Tahkim kararları uyuşmazlığın bütün tarafları için nihai ve bağlayıcı olur. Her bir Akit Taraf verilen kararları kendi kanunları çerçevesinde yerine getirir.

MADDE 10
Akit Taraflar Arasındaki Uyuşmazlıkların Çözümü

1. Akit Taraflar işbu Anlaşmanın yorumu veya uygulanmasıyla ilgili aralarında çıkan herhangi bir uyuşmazlığa iyi niyet ve işbirliği ruhu içinde hızlı ve hakkaniyete uygun bir çözüm arayacaklardır. Bu bakımdan, Akit Taraflar bu gibi çözümlere varmak için doğrudan ve anlamlı müzakerelerde bulunmayı kabul ederler. Eğer Akit Taraflar uyuşmazlığın başladığı tarihten itibaren altı (6) ay içerisinde yukarıda belirtilen yöntemler ile kendi aralarında bir anlaşmaya varamazlarsa uyuşmazlık, Akit Taraflardan herhangi birinin isteği üzerine, üç üyeli bir tahkim heyetine sunulabilir.

2. Talebin alınmasından itibaren iki (2) ay içerisinde, her bir Akit Taraf bir hakem tayin edecektir. Tayin edilen bu iki hakem üçüncü bir ülke vatandaşı olan üçüncü hakemi Başkan olarak seçer. Akit Taraflardan birinin belirtilen süre içinde hakemi tayin etmemesi halinde, diğer Akit Taraf Uluslararası Adalet Divanı Başkanı'ndan atamayı yapmasını isteyebilir.

3. Eğer her iki hakem atanmalarından itibaren iki (2) ay içerisinde Başkan seçiminde anlaşmaya varamazlar ise, Başkan Akit Taraflardan birinin talebi üzerine Uluslararası Adalet Divanı Başkanı tarafından atanır.

4. Eğer, bu Madde'nin 2'inci ve 3'üncü paragraflarında belirtilen durumlarda, Uluslararası Adalet Divanı Başkanı söz konusu görevi yerine getirmekten alıkonursa ya da Başkan Akit Taraflardan birinin vatandaşı ise, atama Başkan Vekili tarafından yapılacaktır ve eğer Başkan Vekili de bu görevi yerine getirmekten alıkonursa ya da Başkan Vekili Akit Taraflardan birinin vatandaşı ise, atama Akit Taraflardan birinin vatandaşı olmayan en kıdemli Divan üyesi tarafından yapılır.

5. Aksi kararlaştırılmadıkça, Tahkim Heyeti Heyet Başkanının seçildiği tarihten itibaren üç (3) ay içinde, işbu Anlaşmanın diğer hükümleriyle tutarlı olacak şekilde usul kuralları üzerinde anlaşmaya varacaktır. Bu gibi bir anlaşmanın olmaması halinde, Tahkim Heyeti, genel kabul görmüş uluslararası tahkim usulü kurallarını dikkate alarak, usul kurallarını tayin etmesini Uluslararası Adalet Divanı Başkanından talep eder.

6. Aksi kararlaştırılmadıkça, Başkanın seçildiği tarihten itibaren sekiz (8) ay içerisinde bütün beyanlar yapılacak, bütün duruşmalar tamamlanacak ve tahkim heyeti, hangisi daha sonra gerçekleşirse, son beyanların sunulduğu veya duruşmaların bittiği tarihten sonra iki (2) ay içinde karara varacaktır. Tahkim heyeti, nihai ve bağlayıcı olacak kararını oy çokluğu ile alır.

7. Başkanın, diğer hakemlerin masrafları ve yargılama ile ilgili diğer masraflar Akit Taraflarca eşit olarak ödenecektir. Bununla birlikte, Tahkim Heyeti giderlerin daha yüksek bir oranının Akit Taraflardan biri tarafından ödenmesine re'sen karar verebilir.

8. Eğer bir uyuşmazlık, işbu Anlaşmanın 9'uncu Maddesi uyarınca bir uluslararası tahkim mahkemesine sunulmuşsa ve hala mahkeme önündeyse, aynı uyuşmazlık işbu Madde hükümleri uyarınca başka bir uluslararası tahkim mahkemesine sunulamaz. Bu, her iki Akit Taraf arasında doğrudan ve anlamlı görüşmeler yoluyla bağlantı kurulmasını engellemeyecektir

MADDE 11
Uygulama Kapsamı

İşbu Anlaşma, bir Akit Tarafın ülkesinde, kanun ve düzenlemelerine uygun olarak diğer Akit Tarafın yatırımcılarınca işbu Anlaşmanın yürürlüğe girmesinden önce veya sonra yapılmış yatırımlara uygulanır. Bununla birlikte, işbu Anlaşma, Anlaşmanın yürürlüğe girmesinden önce ortaya çıkan uyuşmazlıklara uygulanmaz.

MADDE 12
Yürürlüğe Girme

1. İşbu Anlaşma, Akit Tarafların, Anlaşmanın yürürlüğe girmesi için gerekli iç yasal usullerinin tamamlandığını birbirlerine diplomatik yollarla bildirdikleri son yazılı bildirimin alındığı tarihte yürürlüğe girecektir. Anlaşma on (10) yıllık bir dönem için yürürlükte kalacak ve işbu Madde'nin 2. paragrafına uygun olarak yürürlükten kaldırılmadığı sürece yürürlükte kalmaya devam eder.

2. Her bir Akit Taraf, diğer Akit Tarafa bir yıl öncesinden yazılı bildirimde bulunarak, ilk on yıllık dönemin sonunda veya bundan sonra herhangi bir zamanda işbu Anlaşmayı feshedebilir.

3. İşbu Anlaşma Akit Taraflar arasındaki yazılı bir anlaşma ile herhangi bir zamanda değiştirilebilir. Değişiklikler, işbu Maddenin 1. paragrafında belirtilen aynı yasal usule uygun olarak yürürlüğe girer.

4. İşbu Anlaşmanın fesih tarihi öncesinde yapılan veya edinilen ve bu Anlaşmanın diğer bir şekilde uygulanacağı yatırımlar hususunda, işbu Anlaşmanın diğer tüm Maddelerinin hükümleri fesih tarihinden itibaren bir on (10) yıl daha geçerli olmaya devam eder.

İşbu Anlaşmayı Tarafların Hükümetlerince görevlendirilen yetkili temsilcileri, huzurlarında imzalamıştır.

Ankara'da 15 Ocak 2014 tarihinde Vietnamca, Türkçe ve İngilizce dillerinde, tüm metinler eşit derecede geçerli olmak üzere imzalanmıştır.

Yorumunda farklılık olması halinde, İngilizce metin esas alınır.

VİETNAM SOSYALİST CUMHURİYETİ HÜKÜMETİ ADINA

Vũ Huy Hoàng
Ticaret ve Sanayi Bakanı

TÜRKİYE CUMHURİYETİ HÜKÜMETİ ADINA

Nihat Zeybekci
Ekonomi Bakanı